

Bản án số: 1043/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2022
V/v: “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Thái Văn Sơn

2- Ông Lê Văn Rôi

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc: “*tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 242/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 157, tổ 2, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 189, đường 230, tổ 8, ấp 2, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 01/3/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc L trình bày:

Bà với ông Huỳnh Công T tự nguyện tiến tới hôn nhân và tổ chức cưới vào năm 2011, đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 111 ngày 01/7/2011. Lúc đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và có 01 con chung. Sau đó, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T không có trách nhiệm chăm lo gia đình vợ con, ham mê cờ bạc nên vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông T thường xuyên đe dọa tính mạng của bà và gia đình bà. Bà đã nhiều lần tha thứ để ông T có cơ hội sửa chữa nhưng ông T vẫn không thay đổi. Bà và ông T đã ly thân 03 năm nay, không còn quan hệ vợ chồng, mỗi người đã có cuộc sống riêng, bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống.

Hiện vợ chồng bà không còn tình cảm yêu thương, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Lê Ngọc Y, sinh ngày 25/09/2009. Bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; 01 Giấy khai sinh (bản sao); chứng minh nhân dân + sổ hộ khẩu (sao y) của nguyên đơn.

Ông Huỳnh Công T theo nội dung bản tự khai ngày 12/5/2022, các lời khai trong quá trình hòa giải vụ án trình bày: Ông thống nhất như lời trình bày của vợ, ông thừa nhận đã sai và mong tòa án cố gắng hòa giải để vợ chờ ông về đoàn tụ. Ông không muốn ly hôn, tuy nhiên Tòa án nếu có quyết định như thế nào thì tùy. Ông xác định không có tài sản chung. Về nợ chung, ông xác định không có.

Ông Thịnh đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Thịnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Ông Huỳnh Công T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc L với ông Huỳnh Công T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 111 ngày 01/7/2011, nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà L và sự thừa nhận của ông T thì mâu thuẫn giữa bà với ông T là trầm trọng và không thể hàn gắn. Ông T không có trách nhiệm chăm lo gia đình vợ con, ham mê cờ bạc nên vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông T thường

xuân đe dọa tính mạng của bà và gia đình bà. Bà L đã nhiều lần tha thứ để ông T có cơ hội sửa chữa nhưng ông T vẫn không thay đổi. Bà và ông T đã ly thân 03 năm nay, không còn quan hệ vợ chồng, mỗi người đã có cuộc sống riêng.

Ông T đã được Tòa án triệu tập xét xử lần thứ 2 nhưng không đến, do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là có cơ sở.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà L với ông T không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Lê Ngọc Y, sinh ngày 25/09/2009. Xét thấy, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ Y, cần giao trẻ Y cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các bên xác định không có, Tòa án không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Các bên xác định không có, Tòa án không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc L được ly hôn với ông Huỳnh Công T. Giấy chứng nhận kết hôn số 111 ngày 01/7/2011 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C cấp cho bà L, ông T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Lê Ngọc Y, sinh ngày 25/09/2009. Bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Y, ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các bên xác định không có nên Tòa án không em xét.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Các bên xác định không có nên Tòa án không xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Lê Thị Ngọc L phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0044099 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí phí dân sự dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn ông Huỳnh Công T vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã H, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Xuân Lan